

chức Việt Nam; Cơ quan, Tổ chức Việt Nam có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra.

Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính thực hiện việc kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Tư pháp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra việc thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác.

2. Khi kiểm tra, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Đoàn kiểm tra liên ngành được quyền yêu cầu Cơ quan, Tổ chức Việt Nam thực hiện chương trình, kế hoạch dự án hợp tác chấn chỉnh hoạt động hợp tác; nếu thấy có hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác thì kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý.

Điều 15. Xử lý vi phạm

1. Chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật của Cơ quan, Tổ chức Việt Nam mà không được cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định này cho phép, thì bị hủy bỏ.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Nghị định này và các quy định có liên quan của pháp luật thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật; trong trường hợp hành vi vi phạm gây thiệt hại về tài sản thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Đình chỉ, hủy bỏ chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác

Việc đình chỉ, hủy bỏ chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật của Cơ quan, Tổ chức Việt Nam quy định tại Điều 1 của Nghị định này do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Áp dụng đối với chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác khác có nội dung hợp tác về pháp luật

Những quy định tại Điều 9 của Nghị định này cũng được áp dụng đối với việc thẩm định phần nội dung hợp tác về pháp luật trong các chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác thuộc các lĩnh vực khác mà các cơ quan, tổ chức Việt Nam thực hiện với nước ngoài.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực sau mười lăm ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 1391/NC ngày 3 tháng 9 năm 1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về thống nhất kế hoạch hợp tác quốc tế trong lĩnh vực pháp luật.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 1126/QĐ-TTg ngày 18/12/1998 về việc thành lập và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Bắc Mỹ Thuận, tỉnh Vĩnh Long.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất,

Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ;

Căn cứ Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 42/CP ngày 16 tháng 7 năm 1996 và Nghị định số 92/CP ngày 23 tháng 8 năm 1997 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (Tờ trình số 777/1998/TT.UBT ngày 13 tháng 5 năm 1998 và Tờ trình số 1485/UBT ngày 15 tháng 9 năm 1998) và ý kiến thẩm định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tờ trình số 5386/BKH-VPTĐ ngày 01 tháng 8 năm 1998),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Khu công nghiệp Bắc Mỹ Thuận, tỉnh Vĩnh Long.

Khu công nghiệp Bắc Mỹ Thuận được tổ chức và hoạt động theo Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ.

Điều 2. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Bắc Mỹ Thuận, tỉnh Vĩnh Long với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Bắc Mỹ Thuận, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chủ đầu tư: Công ty Xây dựng và Phát triển nhà Vĩnh Long, có trụ sở chính tại số 80 đường Trần Phú, phường 4, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3. Mục tiêu dự án: Tạo mặt bằng, xây dựng các hệ thống giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, xử lý chất thải... nhằm kinh doanh kết cấu hạ tầng đã được tạo ra trong Khu công nghiệp.

4. Địa điểm xây dựng: xã Tân Hòa và xã Tân Ngãi, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

5. Diện tích khu công nghiệp: 73,15 ha, sẽ được chuẩn xác lại khi làm thủ tục thuê đất theo quy định của Luật Đất đai.

6. Tổng mức vốn đầu tư: 125 tỷ đồng Việt Nam.

7. Nguồn vốn: Vốn tự có, vốn ứng trước của các nhà đầu tư, vốn vay.

8. Thời gian hoạt động: 50 năm kể từ ngày có quyết định đầu tư.

9. Thời gian xây dựng: 5 năm kể từ khi có quyết định cho thuê đất. Trong quá trình đầu tư xây dựng, chủ đầu tư phải làm đầy đủ mọi thủ tục cần thiết theo quy định của Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Công ty Xây dựng và Phát triển nhà Vĩnh Long được vay một phần vốn ưu đãi của Nhà nước để xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp và được hưởng các ưu đãi tài chính theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.

Điều 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long có trách nhiệm chỉ đạo chủ đầu tư thực hiện dự án theo quy định hiện hành; lập đề án tổng thể về phát triển công trình kết cấu hạ tầng bên ngoài hàng rào đồng bộ với các công trình kết cấu hạ tầng bên trong hàng rào, bảo đảm hoạt động có hiệu quả cho Khu công nghiệp.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, các Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Công nghiệp, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp Việt Nam, Giám đốc Công ty Xây dựng và Phát triển nhà Vĩnh Long và Thủ trưởng các cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng và quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

NGÔ XUÂN LỘC